



BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH CAO SU TỰ NHIÊN



PHÒNG PHÂN TÍCH

Hà nội, ngày 17 tháng 10 năm 2012

Mục lục

I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH CAO SU TỰ NHIÊN	2
1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển ngành Cao su tự nhiên	2
2. Đặc trưng ngành Cao su tự nhiên	3
3. Vị trí của Cao su Tự nhiên trong ngành Cao su	3
II - ĐÁNH GIÁ TƯƠNG QUAN CUNG CẦU NGÀNH CAO SU.....	4
1. Nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên	4
2. Khả năng cung cấp	4
3. Giá và nhu cầu cao su tự nhiên phụ thuộc giá dầu thế giới	4
III - ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM.....	5
1. Diện tích trồng và diện tích khai thác cao su.....	5
2. Sản lượng và năng suất khai thác cao su và mức tiêu thụ trong nước	6
3. Sản phẩm cao su tự nhiên và thị trường tiêu thụ	6
4. Công nghệ chế biến.....	6
5. Tác động của chính sách tới ngành	7
6. Đóng góp vào nền kinh tế Việt Nam.....	7
IV- PHÂN TÍCH SWOT NGÀNH.....	8
V - TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NGÀNH	9
VII – KẾT LUẬN.....	9
VI - THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG MỘT SỐ CÔNG TY NIÊM YẾT	10
A- Hoạt động kinh doanh	10
1. Quy mô trồng và khai thác	10
2. Cơ cấu độ tuổi vườn cây cao su	10
3. Cơ cấu sản phẩm	11
B- Kết quả Doanh thu và Lợi nhuận	11
C- Chỉ số tài chính cơ bản tại thời điểm Quý II/2012	12
D- Thông tin chung về các doanh nghiệp trong ngành niêm yết	13
1. DPR - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.....	13
2. PHR - Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa.....	13
3. TRC – Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh.....	13
4. TNC – Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất.....	13
5. HRC – Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	14
E- Biến động giá cổ phiếu niêm yết ngành Cao su từ năm 2009 đến nay	14

I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH CAO SU TỰ NHIÊN

Cây cao su tự nhiên có nguồn gốc từ Nam Mỹ và xâm nhập vào Châu Á từ năm 1989 rồi phát triển mạnh ở đây. Thời tiết cũng như nguồn thổ nhưỡng và những điều kiện khác ở Châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á, rất thích hợp với loại cây này. Chính vì vậy, các nước Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam là các nước có sản lượng khai thác và chiếm thị phần xuất khẩu lớn nhất trên thế giới.

Cao su tự nhiên có tầm quan trọng rất lớn trong chiến lược xóa đói giảm nghèo của hầu hết các quốc gia. Sản phẩm của ngành đã đi sâu vào đời sống dân sinh và tham gia vào hầu hết các lĩnh vực. Mặc dù, ngày nay, cao su nhân tạo được sản xuất từ dầu mỏ đang ngày càng phát triển và mở rộng, nhưng vẫn chưa thể thay thế được hết các đặc tính ưu việt của cao su tự nhiên, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao như sản xuất xe hơi, máy bay... Hiện nay, nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên chiếm khoảng 40-45% tổng nhu cầu cao su toàn thế giới.

1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển ngành Cao su tự nhiên

- Cây cao su có xuất xứ từ khu vực rừng mưa Amazon cách đây gần 10 thế kỷ, thổ dân Mainas đã biết lấy nhựa cây tẩm vào quần áo chống ướt, và tạo ra những quả bóng vui chơi trong dịp hội hè.
- Do nhu cầu tăng lên và sự phát minh ra công nghệ lưu hóa năm 1839 đã dẫn tới sự bùng nổ ngành công nghiệp cao su, đặc biệt ở Brasil.
- Năm 1875, khoảng 70.000 hạt giống đã được gửi tới Kew (Anh Quốc) với 4% hạt giống nảy mầm. Năm 1876 số giống này được gửi tới Ceylon và Singapore. Sau đó, cây cao su đã được nhân giống rộng khắp tại các thuộc địa của Anh.
- Năm 1898, một đồn điền trồng cao su đã được thành lập tại Malaysia, và ngày nay phần lớn các khu vực trồng cao su nằm tại Đông Nam Á và một số tại khu vực châu Phi nhiệt đới. Trong khi đó, cây cao su tại Nam Mỹ - bản địa của nó - lại không phát triển bằng.
- Năm 1878, cây cao su đầu tiên được người Pháp đưa vào Việt Nam nhưng không sống được.
- Năm 1892, 2000 hạt cao su từ Indonesia được nhập vào Việt Nam.
- Năm 1897 đã đánh dấu sự hiện diện của cây cao su đầu tiên ở Việt Nam.
- Năm 1907, công ty cao su đầu tiên được thành lập là Suzannah (Dầu Giây, Long Khánh, Đồng Nai). Tiếp sau, hàng loạt đồn điền và công ty cao su ra đời, chủ yếu là của người Pháp và tập trung ở Đông Nam Bộ: SIPH, SPTR, CEXO, và Michelin.
- Năm 1920, miền Đông Nam Bộ có khoảng 7.000 ha và sản lượng 3.000 tấn.
- Năm 1923, cây cao su được trồng ở Tây Nguyên và phát triển mạnh trong giai đoạn 1960 – 1962, trên những vùng đất cao 400 – 600 m, sau đó ngưng vì chiến tranh.
- Trước 1975, cây cao su được trồng ở Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Phú Thọ bằng nguồn giống từ Trung Quốc, diện tích đã lên đến khoảng 6.000 ha.
- Sau 1975, cây cao su được tiếp tục phát triển chủ yếu ở Đông Nam Bộ. Từ 1977, Tây Nguyên bắt đầu lại chương trình trồng mới cao su.
- Sau 1984, cây cao su được phát triển ở Quảng trị, Quảng Bình trong các công ty quốc doanh.
- Hiện cả nước có hơn 800.000 ha trồng cao su, tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ. Sản lượng đạt trung bình hơn 800 nghìn tấn/năm.

2. Đặc trưng ngành Cao su tự nhiên

Cây cao su được trồng ở mỗi vùng miền khác nhau sẽ có những đặc tính khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung ngành cao su tự nhiên có những đặc điểm sau đây:

- ✓ Cây cao su được xem là loại cây công nghiệp thân thiện với môi trường vì sau quá trình lấy mủ để sản xuất cao su tự nhiên và latex thì cuối đời thân cây sẽ được sử dụng trong sản xuất đồ gỗ.
- ✓ Cây cao su bắt đầu được khai thác thu hoạch nhựa mủ ở độ tuổi 6-7 năm. Các cây già hơn cho nhiều nhựa mủ hơn, nhưng chúng sẽ ngừng sinh ra nhựa mủ khi đạt độ tuổi 26-30 năm.
- ✓ Cây cao su chỉ được thu hoạch trong 9 tháng (thường là 9 tháng cuối năm), 3 tháng còn lại (thường là 3 tháng đầu năm) không được thu hoạch vì đây là thời gian cây rụng lá, nếu thu hoạch vào mùa này, cây sẽ chết.
- ✓ Cây phát triển tốt ở vùng nhiệt đới ẩm, có nhiệt độ trung bình từ 22°C đến 30°C (tốt nhất ở 26°C đến 28°C), cần mưa nhiều (tốt nhất là 2.000 mm) nhưng không chịu được sự úng nước và gió. Cây cao su có thể chịu được nắng hạn khoảng 4 đến 5 tháng, tuy nhiên năng suất mủ sẽ giảm. Chính vì vậy các nước Châu Á chiếm tới hơn 92% tổng diện tích trồng cao su tự nhiên thế giới.
- ✓ Cây cao su khá độc hại trong việc trao đổi khí cả ban ngày và ban đêm, khả năng hiếm khí xảy ra rất cao. Chất mủ cao su có tính độc hại cao ảnh hưởng đến tuổi thọ của người khai thác, thường giảm từ 3 đến 5 năm nếu làm việc trong khoảng thời gian dài.
- ✓ Giá cao su tự nhiên phụ thuộc vào biến động giá dầu, tăng trưởng của ngành xe hơi do nhu cầu sản xuất lốp chiếm hơn 70% mức tiêu thụ cao su toàn cầu. Ngoài ra, giá cao su tự nhiên còn phụ thuộc vào thời tiết, thiên tai và dịch bệnh.

3. Vị trí của Cao su Tự nhiên trong ngành Cao su

Ngày nay, cao su nguyên liệu bao gồm cao su tự nhiên và cao su tổng hợp. Cao su tự nhiên được sản xuất từ việc khai thác nhựa mủ của cây cao su trong khi cao su tổng hợp được sản xuất từ năng lượng hóa thạch là dầu mỏ. Cao su tự nhiên xuất hiện từ rất sớm và nhanh chóng phát triển từ những năm 1890, khi các phương tiện giao thông đường bộ sử dụng bánh hơi ra đời. Tuy nhiên, các vấn đề chính trị khiến cho giá cao su tự nhiên dao động rất lớn trong khi nguồn cung thiếu hụt, đặc biệt là trong những năm chiến tranh. Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ đã đẩy giá cao su tự nhiên tăng quá cao do hoạt động trồng và khai thác bị gián đoạn ở một số khu vực. Chính vì vậy, công cuộc tìm kiếm các phương pháp sản xuất cao su nhân tạo để thay thế được đẩy mạnh. Năm 1930 và 1931, hãng Thiokol và hãng DuPont bắt đầu bán cao su tổng hợp ra thị trường.

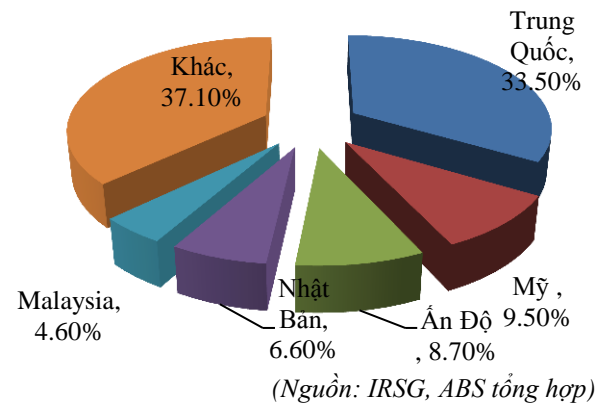
Sản lượng cao su tổng hợp đã vượt qua cao su tự nhiên trong thập niên 60 và đã tiến đến chiếm 70% tổng số nhu cầu cao su thế giới trong thập niên 80. Tuy vậy, mức tiêu thụ và giá cả cao su thiên nhiên có xu hướng tái gia tăng do giá dầu tăng và thị trường xe hơi ở Trung Quốc và Ấn Độ bùng nổ. Bên cạnh đó, cao su thiên nhiên có nguồn gốc thân thiện hơn với môi trường so với nguồn gốc từ năng lượng hóa thạch của cao su tổng hợp. Ngày nay, nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên đã chiếm lĩnh khoảng 40-45% nhu cầu sử dụng cao su trên thế giới.

II - ĐÁNH GIÁ TƯƠNG QUAN CUNG CẦU NGÀNH CAO SU

1. Nhu cầu tiêu thụ Cao su tự nhiên

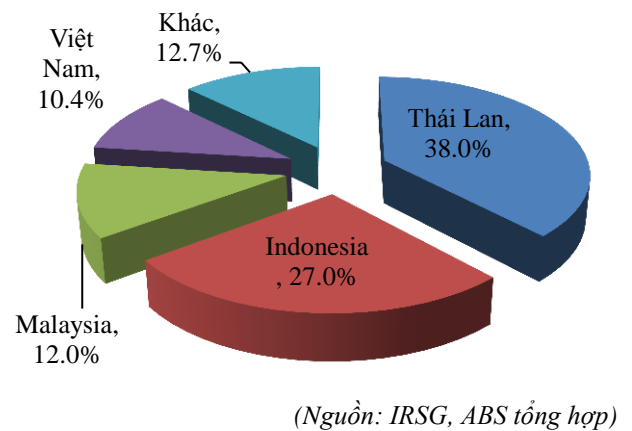
Nhìn chung nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên trên thế giới phụ thuộc nhiều vào thị trường xe hơi, biến động kinh tế và giá dầu mỏ. Khi giá dầu tăng cao sẽ khiến giá cao su tổng hợp tăng lên theo, nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên cũng vì vậy mà tăng theo.

Theo thống kê của IRSG¹, tính đến cuối năm 2011, Châu Á dẫn đầu về tiêu thụ cao su tự nhiên, chiếm 69,7% tổng nhu cầu trên thế giới, tiếp theo là Châu Âu (13,5%), Bắc Mỹ (10,7%). Trong đó, 5 nước dẫn đầu về mức tiêu thụ cao su tự nhiên gồm: Trung Quốc (33,5%), Mỹ (9,5%), Ấn Độ (8,7%), Nhật Bản (6,6%) và Malaysia (4,6%). Đó là lý do vì sao Trung Quốc và Ấn Độ có sản lượng khai thác cao su rất lớn nhưng lại xuất khẩu ở mức thấp. Ở Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên chỉ chiếm 15-20% tổng sản lượng mủ cao su sản xuất hàng năm.



2. Khả năng cung cấp

Theo thống kê đến cuối năm 2011, tổng diện tích cao su tự nhiên trên thế giới đạt 11,84 triệu ha; Châu Á chiếm 92,42%, Châu Mỹ chiếm 5,14% và 2,44% thuộc về Châu Phi. Tổng sản lượng cao su tự nhiên sản xuất đạt 10,9 triệu tấn. Trong đó, Châu Á chiếm ưu thế vượt trội khi chiếm tỷ trọng 93,2% trong tổng sản lượng sản xuất của thế giới, tiếp theo là Châu Phi (4,3%), Châu Mỹ Latin (2,5%). Trong đó, nổi bật lên là 4 quốc gia dẫn đầu về xuất khẩu cao su tự nhiên đều thuộc khu vực Đông Nam Á: Thái Lan (gần 3 triệu tấn), Indonesia (2,13 triệu tấn), Malaysia (0,95 triệu tấn) và Việt Nam (0,82 triệu tấn), chiếm 87,35% tổng sản lượng xuất khẩu cao su thiên nhiên toàn cầu.



3. Giá và nhu cầu Cao su tự nhiên phụ thuộc giá dầu thế giới

Nhìn chung, nhu cầu sản xuất và tiêu thụ cao su (tự nhiên và nhân tạo) thế giới trên dưới 20 triệu tấn/năm, trong đó cao su tổng hợp chiếm tỷ lệ tương đối lớn (khoảng 60%, được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chính là dầu mỏ - sản phẩm cạnh tranh trực tiếp với cao su tự nhiên). Vì vậy, biến động của giá dầu thế giới đã tác động không nhỏ đến nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên của thế giới. Khi giá dầu thô tăng sẽ tác động tới giá thành của cao su tổng hợp, làm cho giá tăng. Khi đó nhu cầu sử dụng cao su tự nhiên để thay thế cao su tổng hợp sẽ tăng, dẫn đến giá cao su tự nhiên sẽ tăng.

¹ Tổ chức Nghiên cứu Cao su Thế giới (International Rubber Study Group)

III - ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM

Việt Nam là một trong những nước dẫn đầu thế giới về khai thác và xuất khẩu cao su. Diện tích trồng cao su đạt 834.000 ha với sản lượng khai thác hàng năm khoảng 812.000 tấn (2011). Mặc dù Việt Nam chỉ đứng thứ 4 về sản lượng khai thác và xuất khẩu nhưng năng suất khai thác cao su đạt rất cao, khoảng 1,72 tấn/ha, đứng thứ 2 thế giới, chỉ sau Ấn Độ (1,78 tấn/ha), và cao hơn nhiều so với mức bình quân 1,45 tấn/ha của thế giới.

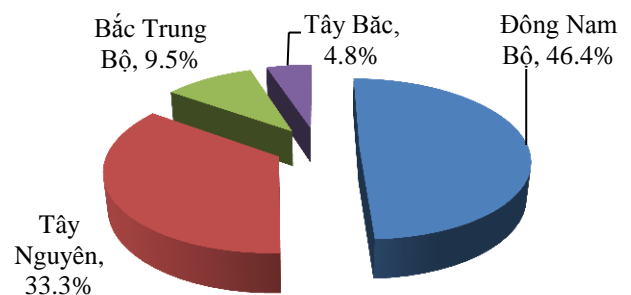
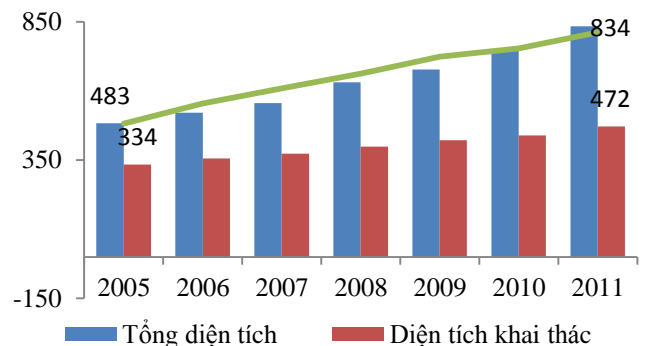
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đóng vai trò lớn trong chiến lược phát triển cây cao su ở Việt Nam. VRG đang quản lý 333.235 ha cao su phân bố khắp cả nước. Ngoài 262.627 ha cao su trong nước, hiện VRG còn quản lý 70.608 ha cao su ở Lào, Campuchia. VRG hiện có 44 nhà máy, xí nghiệp và xưởng chế biến mủ cao su với tổng công suất thiết kế 433.000 tấn/năm. Sản phẩm cao su của VRG hiện xuất khẩu đến khoảng 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới chiếm khoảng 70% tổng sản lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam.

Ngành cao su trong nước vẫn tiếp tục tăng trưởng trong năm 2012 nhưng giá cao su trong năm nay lại liên tục giảm trong 2 quý đầu năm và hồi phục trong quý 3. Chính vì vậy, trong 9 tháng đầu năm 2012, Việt Nam đã xuất khẩu được 700 tấn cao su, thu về 2,05 tỷ USD, tăng 32,6% về lượng nhưng giảm 10,1% về giá trị. Các thị trường xuất khẩu chính vẫn không ngừng gia tăng về lượng như Trung Quốc (tăng 10,1%), Malaysia (tăng 230%), Đài Loan (tăng 28,3%), Ấn Độ (tăng 400%)...

1. Diện tích trồng và diện tích khai thác cao su

Trong vài năm gần đây, khi Nhà nước thực hiện chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất cây cao su, diện tích cây cao su không ngừng tăng cả về diện tích trồng và sản lượng khai thác. Hiện tại, tổng diện tích trồng cao su đã lên đến 834 nghìn ha, trong đó diện tích cho mủ là khoảng 472 nghìn ha (chiếm 56,6% tổng diện tích), được phân bố tập trung ở Đông Nam Bộ (390 nghìn ha), và Tây Nguyên (280 nghìn ha), phần còn lại được phân bố cho các khu vực: Bắc Trung Bộ (80 nghìn ha), Tây Bắc (50 nghìn ha), và Duyên Hải Nam Trung Bộ (40 nghìn ha). Trong đó, khu vực đại điền chiếm 44,36%; khu vực tiểu điền chiếm 49,28% và tư nhân chiếm 6,36%.

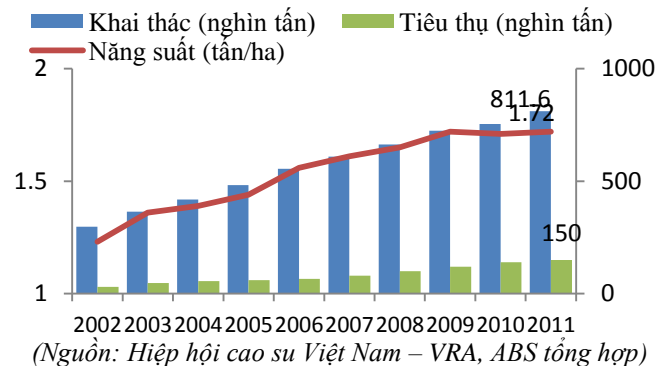
Tuy nhiên, việc tiếp tục mở rộng diện tích trồng ở Việt Nam dường như rất khó vì quỹ đất đã bắt đầu bị thu hẹp và mức 800 nghìn ha canh tác cao su cũng đã nằm trong kế hoạch phát triển ngành cao su của Chính Phủ đến năm 2015 và tầm nhìn 2020. Chính vì vậy, chủ trương mở rộng diện tích trồng và khai thác ở các nước bạn như Lào và Campuchia đang được khuyến khích và đẩy mạnh.



(Nguồn: Tổng cục Thống kê, ABS tổng hợp)

2. Sản lượng và năng suất khai thác cao su và mức tiêu thụ trong nước

Sản lượng và năng suất khai thác của ngành không ngừng tăng lên trong 10 năm qua. Tổng sản lượng khai thác bình quân tăng 17,2%, năng suất khai thác tăng bình quân 4%. 9T/2012, Việt Nam chính thức vượt qua Ấn Độ trở thành nước sản xuất cao su tự nhiên lớn thứ 4 thế giới, sau Thái Lan, Indonesia, và Malaysia. Sự thay đổi lớn về thứ hạng sản xuất đánh dấu vai trò quan trọng của Việt Nam trên thị trường cao su quốc tế. Theo ANRPC², Việt Nam có thể đạt sản lượng 930.000 tấn cao su trong năm nay, tăng 14,5 % so với năm 2011 là nhờ có thêm nhiều diện tích cao su đi vào thu hoạch.



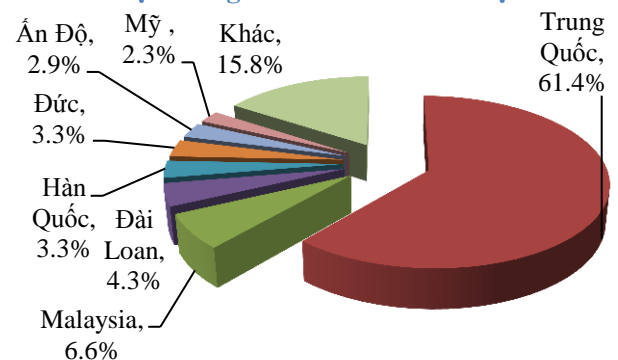
3. Sản phẩm cao su tự nhiên và thị trường tiêu thụ

Cao su tự nhiên sau khi khai thác sẽ được chuyển thành các dạng hình thể để xuất khẩu và tiêu thụ theo những mục đích khác nhau. Dạng khối có độ nhớt ổn định, dùng trong công nghiệp sản xuất sản phẩm: gồm cao su kỹ thuật: SVR 3L, SVR L, SVR 10,20... và cao su chất lượng cao SVR CV 60, 50. Dạng mủ ly tâm Latex, mủ kem được dùng trong sản xuất găng tay, dụng cụ-thiết bị y tế, gói-nệm... Dạng tờ xông khói có RSS và các dạng khác như: Crepe, Skim, hỗn hợp... Trong đó, SVR 3L là sản phẩm xuất khẩu chủ lực, đem về khoảng gần 45% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành, tiếp theo là SVR 10, cao su hỗn hợp, SVR CV60 ... Tuy nhiên, trong năm 2012, lượng xuất khẩu các mặt hàng này đang giảm dần. Trong khi đó, lượng latex và cao su tổng hợp xuất khẩu lại tăng khá mạnh, khoảng hơn 30%.

Mặc dù Việt Nam đứng thứ 4 thế giới về sản lượng khai thác cao su nhưng mức tiêu thụ nội địa rất thấp, chiếm 18,5% tổng sản lượng khai thác năm 2011. Hơn 80% cao su khai thác được xuất khẩu ra nước ngoài theo 3 cách: i) xuất khẩu trực tiếp: theo đường tiêu ngạch- DAF, giao hàng lên tàu- FOB, và giao hàng tại cảng- CIF; ii) xuất khẩu gián tiếp theo kiểu ủy thác xuất khẩu thông qua VRG; iii) bán lại cho các công ty thương mại trong nước, các công ty này sẽ xuất khẩu sau đó.

Việt Nam hiện xuất khẩu cao su đi hơn 70 nước trên thế giới. Trong đó, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ lớn nhất (chiếm 61,4%), tiếp theo là thị trường Malaysia (6,6%), Đài Loan (4,3%) và Đức và Hàn Quốc (3,3%)...

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su Việt Nam



(Nguồn: Tổng cục Thống kê, ABS tổng hợp)

4. Công nghệ chế biến

Các công ty hiện mới dừng lại ở mức sơ chế với trình độ thấp nên các mặt hàng cao su xuất khẩu của Việt Nam được bán với giá thấp hơn so với các nước như Malaysia và Thái Lan khoảng 10%. Trong tương lai, để tăng khả năng cạnh tranh và có thể mở rộng ra thị trường Châu Âu và Mỹ thì các doanh nghiệp cao su Việt Nam cần tự nâng cao trình độ công nghệ để đáp ứng được yêu cầu khắt khe của các thị trường này.

² Hiệp hội các Quốc gia Sản xuất Cao su Tự nhiên (The Association of Nature Rubber Producing Countries)

Hiện nay, có 4 doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ cao su tự nhiên đang niêm yết trên sàn HOSE: CTCP Cao su Sao Vàng (SRC), CTCP Cao su Miền Nam (CSM), CTCP Cao su Đà Nẵng (DRC), và CTCP Cao su Bến Thành (BRC). Các sản phẩm được chế biến từ cao su tự nhiên tiêu thụ trong nước chủ yếu bao gồm các loại săm lốp, găng tay y tế, băng chuyen, đai, phớt dùng trong sản xuất công nghiệp,...

5. Tác động của chính sách tới ngành

Sự hỗ trợ của Nhà nước: Cây cao su là một trong những cây nông nghiệp chiến lược cho sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước, cùng góp sức vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho rất nhiều hộ gia đình. Chính vì vậy, ngành luôn được sự hỗ trợ của Nhà nước từ việc giảm các mức thuế thu nhập, thuế đất nông nghiệp, ngoài ra còn được hỗ trợ nguồn vốn đầu tư với lãi suất ưu đãi.

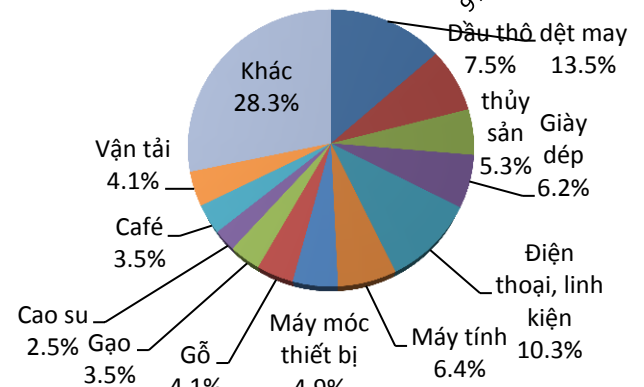
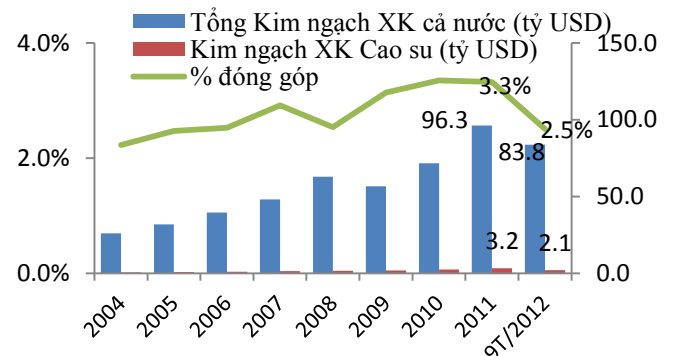
Thông tư số 145/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành sẽ áp dụng thuế suất từ 3-5% tùy từng loại sản phẩm đối với cao su tự nhiên xuất khẩu. Đây vừa là thách thức với các doanh nghiệp xuất khẩu nhưng đồng thời cũng là cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước giảm bớt chi phí nhập khẩu.

Sự hội nhập WTO: Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu và có nhiều cơ hội thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển. Các doanh nghiệp sản xuất cao su của Việt Nam có cơ hội hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài xây dựng các nhà máy chế biến cao su để có thể sản xuất cao su có giá trị cao, tạo điều kiện chuyển đổi thị trường. Ngoài ra, Việt Nam có cơ hội gia nhập nhóm ITRC³, hiện nay nhóm này gồm Thái Lan, Malaysia và Indonesia chiếm giữ 70% sản lượng cao su xuất khẩu thế giới.

6. Đóng góp vào nền kinh tế Việt Nam

Cây cao su góp phần quan trọng trong ngành nông nghiệp nước nhà và là một trong những cây công nghiệp dài ngày có nhiều triển vọng phát triển nhất tại nước ta. Cao su tự nhiên không ngừng gia tăng thị phần trong kim ngạch xuất khẩu (KNXK) và đóng góp trong ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, đây còn là loại cây trong chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững của Đất nước.

KNXK cao su năm sau cao hơn năm trước và chiếm từ 2,5-3,5% tổng KNXK cả nước. Từ năm 2006 đến nay, ngành liên tục đạt KNXK hơn 1 tỷ USD. Năm 2012, suy thoái kinh tế toàn cầu làm giảm nhu cầu tiêu thụ cao su, đặc biệt là trong lĩnh vực xe hơi, khiến giá cao su sụt giảm. KNXK cao su 9 tháng đầu năm 2012 chỉ đạt 2,1 tỷ USD, giảm 9,9% so với cùng kỳ, trong khi KNXK cả nước tăng 18,9%. Mặc dù cao su tự nhiên thuộc nhóm các mặt hàng xuất khẩu trên 1 tỷ USD hàng năm nhưng vẫn còn ở mức khá thấp, khoảng 2,5% trong 9T/2012, so với các mặt hàng khác như: dệt may chiếm 13,5%, dầu thô chiếm 7,5%, thủy sản chiếm 5,3%, gỗ chiếm 4,1%...



(Nguồn: Tổng cục Hải quan, ABS tổng hợp)

³ Hội đồng Cao su Quốc tế (International Tripartite Rubber Council)

IV- PHÂN TÍCH SWOT NGÀNH

Điểm Mạnh	Điểm Nhược
<ul style="list-style-type: none"> - Cây cao su được du nhập và Việt Nam từ rất sớm nên có được bề dày lịch sử và sự phát triển bền vững. - Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và thời tiết ở Việt Nam rất thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát dục của cây cao su. - Ngành cao su Việt Nam đã có chỗ đứng trên thế giới: đứng thứ 4 về sản xuất và xuất khẩu, đứng thứ 2 về năng suất khai thác. - Đây là một trong những ngành trọng điểm trong định hướng phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo của Chính Phủ nên được hưởng ưu đãi về thuế gồm: thuế TNDN, thuế sử dụng đất nông nghiệp; và vốn vay đầu tư phát triển. - Chi phí thấp nhờ có đội ngũ nhân công dồi dào với giá rẻ, trong khi đó khoản chi phí này lại chiếm đến khoảng 60% chi phí của doanh nghiệp trong ngành. Chính vì vậy, ngành có tỷ suất sinh lời rất cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những yêu cầu khắt khe về điều kiện thổ nhưỡng, thời tiết, lượng mưa... nên đã tạo ra rào cản gia nhập ngành khá khắt khe. Bên cạnh đó, cây cao su sẽ chỉ bắt đầu đi vào khai thác từ năm thứ 6-7 tuổi nên đòi hỏi nhiều vốn đầu tư ban đầu. - Chất lượng mủ cao su ở Việt Nam còn kém nên khả năng cạnh tranh thấp, giá bán thường thấp hơn khoảng 10% so với các nước khác như Thái Lan, Malaysia... - Thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc nên phụ thuộc vào chính sách và kinh tế nước này, gặp khó khăn trong việc đàm phán giá bán.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam sẽ tham dự cuộc họp vào tháng 12 tới của ITRC với vai trò là quan sát viên. Có nhiều khả năng, Việt Nam sẽ đồng ý tham gia thành viên của tổ chức này. Nếu tham gia, Việt Nam có thể kiểm soát được giá cao su xuất khẩu vì lúc đó ITRC sẽ chiếm 80% tổng sản lượng cao su toàn cầu. - Nhu cầu tiêu thụ cao su cả trong nước và quốc tế cùng với giá cao su thế giới không ngừng tăng lên. - FED thực hiện QE3 cùng với sự hồi phục của thị trường xe hơi, đặc biệt là ở Trung Quốc và Ấn Độ, đã đẩy giá cao su tăng mạnh trong quý 3/2012. 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng cao su gần như ở mức bão hòa nên khó mở rộng. Trong bản kế hoạch phát triển ngành đến năm 2015, tầm nhìn 2020 của chính phủ cũng đã nêu rõ, duy trì ở diện tích trồng là 800 nghìn ha. Trong khi đó, diện tích trong hiện nay đã vượt con số này. - Tỷ lệ rừng già cỗi chiếm tỷ lệ khá cao ở một số doanh nghiệp, chính vì vậy công tác tái canh và trồng mới sẽ phải thực hiện để đảm bảo năng suất khai thác.

V - TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NGÀNH

Ngành nuôi trồng và khai thác cao su tự nhiên đã có chỗ đứng vững chắc trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như là trong nền kinh tế nước ta. Với điều kiện thiên nhiên rất thuận lợi cả về thổ nhưỡng, khí hậu và thời tiết đã giúp cho giống cây có giá trị kinh tế cao này không ngừng phát triển.

Thị trường cao su tự nhiên trong nước hiện còn rất nhiều cơ hội phát triển. Mặc dù, Việt Nam đứng thứ 4 thế giới về khai thác cao su nhưng thị trường trong nước mới chỉ tiêu thụ khoảng 15-20% sản lượng cao su khai thác. Theo định hướng của Chính Phủ cho sự phát triển của ngành cao su tới năm 2020 bao gồm chuyển đổi sản xuất cao su nguyên liệu và định hướng phát triển sản xuất cao su công nghiệp, xuất khẩu cao su thành phẩm kết hợp với cao su nguyên liệu. Nâng tỷ lệ sử dụng mủ cao su tại thị trường nội địa lên tối thiểu 30% vào năm 2020 thông qua việc xây dựng các nhà máy sản xuất săm lốp ô tô, xe máy quy mô lớn trong nước. Việc phát triển công nghiệp chế biến cao su giúp nâng cao giá trị thành phẩm, cũng là một trong những biện pháp đa dạng hóa thị trường giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc, giúp giảm nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ cao su.

Nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên sẽ tăng lên trong thời gian tới nhờ thị trường xe hơi ở Trung Quốc và Ấn Độ đang hồi phục. Về nhu cầu tiêu thụ của các quốc gia thành viên ANRPC dự kiến sẽ tăng 3,6% lên 6,496 triệu tấn, nhờ nhu cầu gia tăng lại Trung Quốc, Ấn Độ và Philippines. ANRPC ước tính nhu cầu cao su tại Trung Quốc và Ấn Độ sẽ tăng lần lượt 2,5% và 4,9% lên mức 3,69 triệu tấn và 1 triệu tấn. Bên cạnh đó, IRSG dự báo nhu cầu cao su tự nhiên và tổng hợp toàn cầu năm 2012 đạt 26,8 triệu tấn và năm 2013 sẽ tăng 5% lên mức 28,2 triệu tấn, và sẽ đạt 36,7 triệu tấn vào năm 2020, với cao su tự nhiên cũng tăng lên mức 16,4 triệu tấn.

Giá cao su xuất khẩu có nhiều khả năng tăng giá trong thời gian tới với động thái nhóm ITRC gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia đã thiết lập một cơ chế để can thiệp thị trường cao su nếu giá cao su thiên nhiên giảm xuống dưới 2,70 USD/kg. Trước mắt, Hiệp hội công nghiệp Cao su Indonesia đã thông báo, từ tháng 10 năm nay đến tháng 3 năm sau, nước này sẽ cắt giảm 117.000 tấn cao su tự nhiên xuất khẩu

VII – KẾT LUẬN

Ngày nay, mặc dù cao su tổng hợp đang chiếm phần lớn các ứng dụng trong thực tế nhưng không thể thay thế hoàn toàn cao su tự nhiên. Trong công nghiệp, phần lớn cao su tự nhiên (khoảng 70%) được dùng để làm mặt lốp ô tô, đệm, nút kính, lốp xe, dây đai, cáp điện, các bộ phận khác của xe hơi, máy bay ... Những ứng dụng mà cao su nhân tạo không thay thế được cao su thiên nhiên là các lốp xe chở nặng, máy bay hay nhựa latex ở ngành y khoa ...

Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo theo thị trường xe hơi cũng bị giảm cầu nghiêm trọng, trong khi ngành làm lốp xe tiêu thụ gần 70% cao su thiên nhiên trên thế giới, sẽ làm cho đầu ra của ngành cao su tự nhiên gặp không ít khó khăn. Trong thời gian quý 3/2012, thị trường xe hơi ở Trung Quốc và Ấn Độ phục hồi đang kích thích giá cao su tự nhiên tăng trở lại.

Như vậy, cao su tự nhiên vẫn luôn đóng vai trò quan trọng chưa thể thay thế trong lĩnh vực công nghiệp, ngành kỹ thuật hiện đại, và đặc biệt là ngành công nghiệp xe hơi, đồng thời cũng gắn liền với sự phát triển ngành dầu mỏ và sự tăng trưởng kinh tế thế giới.

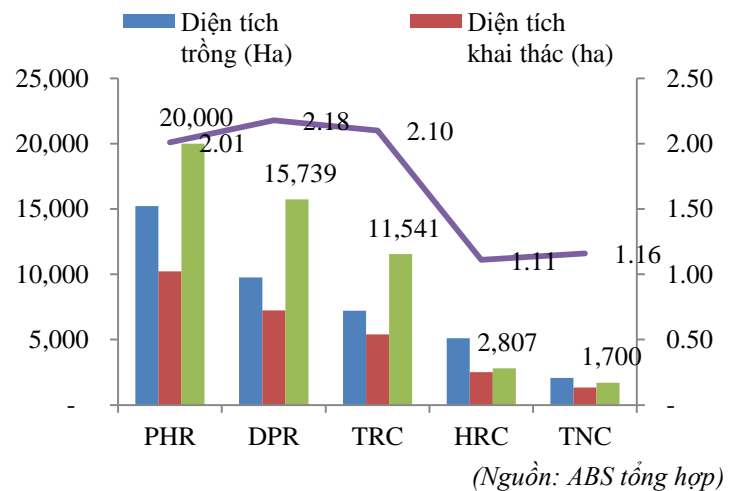
VI - THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG MỘT SỐ CÔNG TY NIÊM YẾT

Hiện nay, trên thị trường chứng khoán đã có 5 công ty trồng và khai thác cao su tự nhiên niêm yết, và cả 5 doanh nghiệp này đều là các thành viên của VRG, gồm: CTCP Cao su Phước Hòa (PHR), CTCP Cao su Đồng Phú (DPR), CTCP Cao su Tây Ninh (TRC), CTCP Cao su Hòa Bình (HRC), và CTCP Cao su Thống Nhất (TNC).

A- Hoạt động kinh doanh

1. Quy mô trồng và khai thác

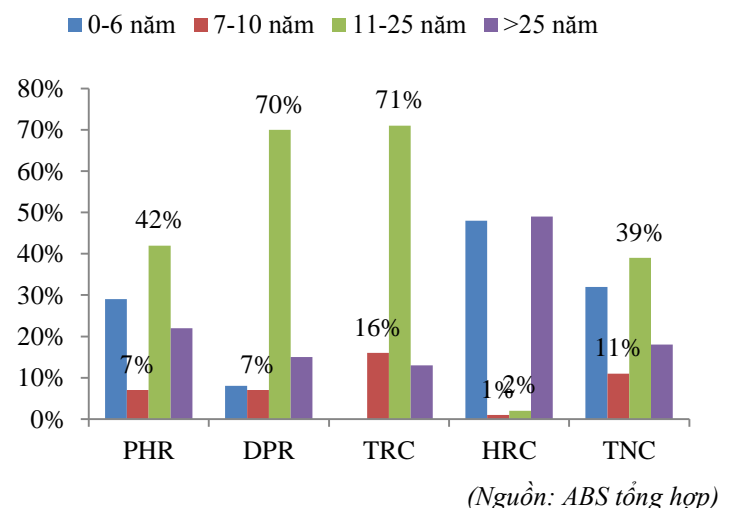
Nếu xét tất cả các thành viên của VRG thì chỉ có PHR thuộc nhóm các công ty có quy mô lớn và sản lượng khai thác lớn. DPR và TRC đều có quy mô và sản lượng khai thác ở mức trung bình, còn lại HRC và TNC đều có quy mô nhỏ và sản lượng khai thác thấp. Tuy vậy, DPR và TRC lại cho năng suất khai thác cao nhất, thậm chí là cao nhất VRG, vì rừng cao su đang ở độ tuổi khai thác tốt nhất. Năng suất khai thác của PHR cũng ở mức cao trên 2 tấn/ha, còn lại HRC và TNC đều cho năng suất khai thác thấp, thậm chí thấp hơn mức trung bình của thế giới là 1,45 tấn/ha.



2. Cơ cấu độ tuổi vườn cây cao su

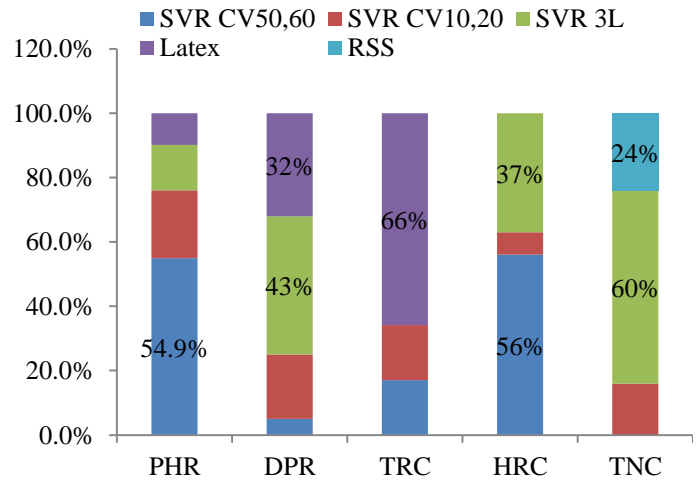
Cây cao su thường bắt đầu được khai thác lấy mủ từ 6-7 năm tuổi và kết thúc khai thác ở năm thứ 26-30. Ngoài ra, độ tuổi của cây cao su cho năng suất cao nhất là giai đoạn từ năm thứ 11 đến năm thứ 25 năm tuổi.

Qua biểu đồ cho thấy, DPR và TRC có rừng cây cao su đang ở độ tuổi khai thác tốt nhất, lần lượt chiếm 77% và 87% diện tích rừng trồng. Chính vì vậy, 2 công ty này có năng suất khai thác cao nhất ngành, lần lượt là 2,18 và 2,1 tấn/ha. Trong khi đó, mặc dù PHR có diện tích trồng lớn nhất nhưng hầu hết là cây non và già cỗi. Vì vậy, năng suất khai thác của PHR chỉ đạt khoảng 2 tấn/ha và có khả năng giảm trong các năm tới khi đang thực hiện quá trình tái canh đến năm 2014. HRC có cơ cấu rừng cây kém hiệu quả nhất khi có tới 97% rừng cây là chưa khai thác và già cỗi. Trong khi đó, TNC mặc dù có quy mô nhỏ nhất nhưng lại có cơ cấu rừng cây hợp lý hơn nên có tỷ suất sinh lời cao hơn, tổng diện tích cây đang khai thác cân bằng với tổng diện tích cây non và già cỗi.



3. Cơ cấu sản phẩm

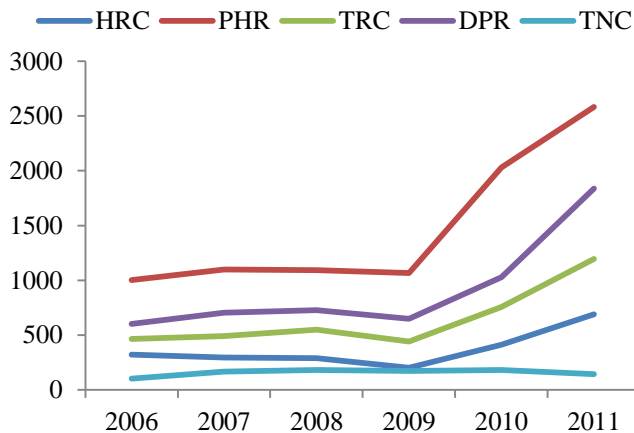
Sản phẩm của 4 công ty DPR, PHR, HRC, và TNC chủ yếu là mủ côm (SVR) sử dụng để sản xuất săm lốp với thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc. Mủ côm là dòng sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, chiếm khoảng 80% sản lượng xuất khẩu. Trong đó, PHR và HRC tập trung mạnh vào dòng sản phẩm mủ côm cao cấp SVR CV50,60; DPR tập trung vào sản phẩm SVR 3L,L và sản phẩm Latex; còn TNC tập trung vào sản phẩm SVR 3L, và mủ tờ xông khói RSS; Trong khi đó TRC có sản phẩm chủ yếu là latex, thường chiếm khoảng 60-70% tổng sản phẩm, phục vụ sản xuất cao su kỹ thuật như: găng tay, dụng cụ y tế... với thị trường xuất khẩu chính là Châu Âu, phần còn lại là các sản phẩm SVR CV50,60, và SVR10,20.



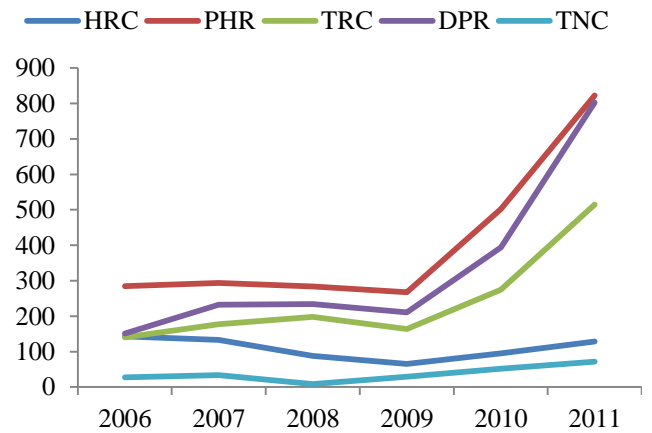
(Nguồn: ABS tổng hợp)

B- Kết quả Doanh thu và Lợi nhuận

Doanh thu giai đoạn 2006-2011



Lợi nhuận ròng giai đoạn 2006-2011

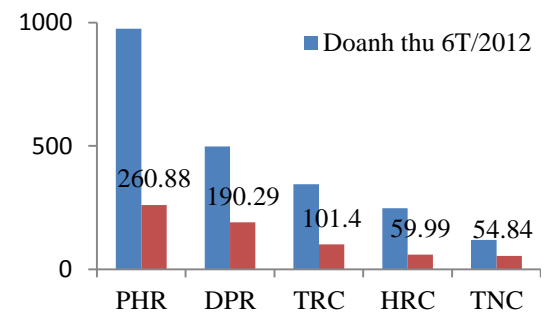


(Nguồn: BCTC các năm các doanh nghiệp, ABS tổng hợp)

Giai đoạn 2006-2011: Các doanh nghiệp ngành cao su tự nhiên nhìn chung có kết quả kinh doanh rất khả quan và có sự phân biệt khá rõ rệt giữa 2 nhóm. PHR, DPR, và TRC có mức tăng trưởng cao và ổn định đặc biệt là sau giai đoạn khủng hoảng kinh tế năm 2009. Nhờ có cơ cấu vườn cây hợp lý nên DPR, TRC có năng suất khai thác cao nhất ngành được thể hiện khá rõ trong kết quả kinh doanh. TNC ngoài việc đầu tư trồng và khai thác cao su, công ty còn đầu tư vào thức ăn chăn nuôi và hạt điều. Tuy nhiên, cả 2 mảng kinh doanh này của TNC đều hoạt động kém hiệu quả.

6 tháng đầu năm 2012: Giá cao su liên tục giảm cuối năm 2011 khiến tất cả các doanh nghiệp cao su đặt kế hoạch kinh doanh năm 2012 thấp hơn so với mức đạt được trong năm 2011. Kế hoạch lợi nhuận của

PHR, TRC, DPR và TNC giảm lần lượt là 53%, 56%, 51% và 61%. Giá cao su tiếp tục ở mức thấp trong 6T/2012 đã khiến các doanh nghiệp đạt được kết quả kinh doanh thấp hơn cùng kỳ, nhưng vẫn hoàn thành vượt kế hoạch. PHR là doanh nghiệp có doanh thu và lợi nhuận lũy kế 6T/2012 cao nhất, lần lượt chiếm 44,6% và 39,1%. Tiếp theo là DPR chiếm 22,8% doanh thu và 28,5% lợi nhuận của nhóm. Tuy vậy, TNC mới là doanh nghiệp có tỷ suất sinh lời cao nhất, 46,1%, tiếp theo là DPR đạt 38,2%. Nhìn chung, tất cả các doanh nghiệp thuộc ngành đều có kết quả kinh doanh cao, dù có giảm nhẹ so với cùng kỳ, và có mức sinh lời rất cao, thấp nhất là 24%.



C- Chỉ số tài chính cơ bản tại thời điểm Quý II/2012

Các doanh nghiệp niêm yết được chia ra thành 2 nhóm khá rõ ràng về quy mô cũng như năng lực sản xuất khai thác. Trong đó, PHR, DPR và TRC được xem là những đối thủ có quy mô lớn và năng lực khai thác tương đương nhau. Tuy vậy, mỗi doanh nghiệp lại tập trung vào các loại sản phẩm khác nhau nên cũng có thị trường tiêu thụ khác nhau. Nhóm còn lại có quy mô nhỏ và năng suất khai thác thấp là HRC và TNC, và hai doanh nghiệp này cũng nhắm đến sản xuất các sản phẩm khác nhau. Xét về khả năng sinh lời cũng như độ ổn định qua các năm cho thấy PHR đạt hiệu quả cao nhưng kém hơn DPR và tốt hơn TRC. Xét về khả năng thanh toán và cơ cấu nguồn vốn cho thấy tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để kinh doanh là chính, mức vay mượn được hạn chế ở mức rất thấp. Chính vì vậy, các doanh nghiệp ngành cao su đều có khả năng thanh toán cao và đảm bảo an toàn cho hoạt động của doanh nghiệp.

Chỉ Số	PHR	DPR	TRC	HRC	TNC
KL CPLHQB (Triệu)	79.08	43	29.6	17.29	19.25
Sở hữu nước ngoài	14.3	36.66	29.92	5.38	1.92
EPS pha loãng (VND)	9,886.90	17,602.67	14,862.35	6,470.67	3,775.32
Book Value (VND)	23,148	43,927	37,522	27,419	16,345
P/E pha loãng	2.86	3.01	2.89	5.72	4.32
P/B	1.22	1.21	1.15	1.35	1
Tiền/Nợ ngắn hạn	0.65	2.55	3.67	0.95	4.57
TSLD/Nợ ngắn hạn	1.28	3.8	4.54	1.97	6.44
Vay dài hạn/Tài sản	0	0.01	0.01	0.08	0
Vốn vay/Vốn CSH	0.22	0.03	0.01	0.14	0
Công nợ/Tài sản	0.38	0.21	0.15	0.19	0.1
Công nợ/Vốn CSH	0.63	0.27	0.17	0.23	0.11
Lãi ròng/Doanh thu	31.90%	45.80%	40.81%	17.47%	42.00%
ROE	44.12%	41.14%	39.16%	23.80%	23.87%
ROA	26.59%	32.10%	32.28%	19.11%	20.70%
GTGD trung bình 3 tháng	1.75	0.2	0.41	0.12	1.72

(Nguồn: BCTC Quý 2/2012 các doanh nghiệp, ABS tổng hợp)

D- Thông tin chung về các doanh nghiệp trong ngành niêm yết

1. DPR - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

Tiền thân là đồn điền Thuận Lợi của Công ty Michelin – Pháp, được hình thành vào tháng 06/1927 và được tái thành lập vào ngày 21/05 /1981. Năm 2006 chuyển thành Công ty cổ phần cao su Đồng phú. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 430 tỷ đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và chế biến cao su. Với diện tích khai thác là 7.236 ha trên 9.761 ha trồng, công ty cao su Đồng Phú có quy mô nhỏ so với công ty khác thuộc tổng Công ty Cao su Việt Nam như Cao su Đồng Nai, Dầu Tiếng, Phú Riềng, Phước Hòa, Bình Long, và Kontum. Tuy nhiên, DPR có cơ cấu cây trồng rất tốt với 77% cây cao su đang ở độ tuổi cho nhiều mủ nên sản lượng khai thác đạt mức cao nhất ngành, 2,18 tấn/ha. Sản phẩm mủ khối dùng làm lớp ô tô (chiếm tỷ trọng 65%), mủ Latex dùng làm đệm, găng tay (chiếm 35%)... với thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc, tiếp theo là Đài Loan, Đức, Mỹ, Nhật, Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp ...

2. PHR - Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Tiền thân là Đồn điền cao su Phước Hòa thành lập sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Năm 2008 chuyển thành công ty cổ phần. PHR hoạt động trong lĩnh vực Trồng, Khai thác, chế biến mủ cao su và Chế biến gỗ cao su. PHR là một trong những công ty có diện tích cao su lớn của ngành, nằm trong top 5 đơn vị quản lý diện tích và sản lượng cao su lớn nhất ngành. Công ty có diện tích đất trồng cao su là 15.277 ha và diện tích khai thác là 10.277 ha. Tuy nhiên, do PHR có tới 51% cây trồng ở độ tuổi còn non và già cỗi nên năng suất khai thác thấp hơn DPR và TRC, đạt 2 tấn/ha. Hiện tại công ty đang có 3 nhà máy chế biến mủ với 4 dây chuyền chế biến mủ (1 dây chuyền sản xuất mủ nước được cải tạo từ năm 1994, 1 dây chuyền đầu tư năm 1997, 1 dây chuyền sản xuất mủ tạp đầu tư năm 2001 và 1 dây chuyền sản xuất mủ ly tâm đầu tư năm 2003) với công suất 27.000 tấn/năm. Với dây chuyền sản xuất được đầu tư đồng bộ, công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm đảm bảo chất lượng. PHR tập trung vào sản phẩm mủ cốm cao cấp SVR CV 50.60 đi thị trường Trung Quốc, sau đó là Đài Loan, Đức, Mỹ, Nhật, Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp, Ấn Độ, Hàn Quốc ...

3. TRC – Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Tiền thân là đồn điền cao su của Pháp. Ngày 28/12/2006 công ty chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay Công ty đã trồng 7.226ha và đang khai thác 5.407ha. Tương tự như DPR, TRC có tới 87% cây cao su đang ở độ tuổi khai thác tốt, năng suất khai thác đạt 2,1 tấn/ha. TRC có hai nhà máy chế biến mủ cốm và hai dây chuyền chế biến mủ ly tâm với máy móc và thiết bị hiện đại. Sản phẩm cao su của Công ty chủ yếu là Latex (66%) đã đạt chất cao theo tiêu chuẩn quốc tế. Sản phẩm của Công ty được xuất sang các thị trường Malaysia, Indonesia, Singapore, Hàn quốc, Mỹ, Đức, Trung quốc, Thổ nhĩ kỳ, Ấn Độ...

4. TNC – Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất

Thành lập năm 1992, năm 2005 chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần với vốn điều lệ hiện nay là gần 200 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty mà trồng mới, khai thác và chế biến cao su, sơ chế gỗ cao su. Bên cạnh đó Công ty còn mở rộng thêm một số ngành nghề như kinh doanh và chế biến hạt điều, chế

biển và kinh doanh thức ăn gia súc. Tháng 9/2010, công ty có mở rộng hoạt động kinh doanh ô tô nhập khẩu tại TP.HCM nhưng do hoạt động không có hiệu quả nên đã giải thể chi nhánh và chấm dứt hoạt động này từ tháng 02/2011. Sản phẩm chủ lực của công ty là mủ sơ chế SVR3L, SVR5, RSS được tiêu thụ 75% tại thị trường nội địa, còn lại xuất khẩu sang Trung Quốc, Singapore, chiếm tới 60% doanh thu. Ngoài ra công ty còn có Sản phẩm điều nhân chiếm 16% doanh thu. Tổng diện tích vườn cây cao su Công ty đang quản lý là 2.074 ha trong đó vườn cây khai thác là 1.349 ha. Năng suất vườn cây của công ty ở mức thấp, đạt 1,16 tấn/ha, thấp hơn mức bình quân 1,45 tấn/ha của thế giới.

5. HRC – Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình

Tiền thân là Nông trường cao su Hòa Bình thành lập năm 1981. Năm 2004 chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần. Hoạt động trong lĩnh vực trồng, khai thác, chế biến mủ cao su. HRC là đơn vị đầu tiên trong Tổng Công ty Cao su Việt Nam thực hiện việc cổ phần hoá vườn cây kết hợp với Nhà máy. Công ty đang quản lý hơn 5.000 ha cao su và 01 nhà máy chế biến với công suất hơn 6.000 tấn/năm. Tuy nhiên, rừng cây của HRC có tới 97% là trồng mới và già cỗi, năng suất khai thác thấp nhất ngành, đạt 1,11 tấn/ha. Trong năm 2008 Công ty đầu tư trồng cây cao su trên diện tích 10.000 ha tại Lào. Sản phẩm của Công ty chủ yếu là mủ côm cao cấp SVR CV50,60, được tiêu thụ trên toàn quốc và xuất khẩu sang các nước thuộc Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ. Đặc biệt gần 1/3 sản lượng được xuất khẩu trực tiếp sang Đài loan và Trung quốc.

E- Biến động giá cổ phiếu niêm yết ngành Cao su từ năm 2009 đến nay



(Nguồn: ABS)

Các cổ phiếu ngành cao su tự nhiên (đường màu tím) có mức biến động giá tốt so với các chỉ số của thị trường: VN-Index (đường màu xanh đậm) và HNX-Index (đường màu xanh lá cây). Tuy nhiên, thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường khá thấp do nhà nước và các tổ chức nắm giữ phần lớn. Trong đó chỉ có PHR và TNC là có giá trị giao dịch trung bình ở mức cao, khoảng 1,7 tỷ đồng mỗi phiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG). www.vnrubbergroup.com/
2. Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA). www.vra.com.vn/
3. AGROINFO. www.agro.gov.vn
4. The International Rubber Study Group (IRSG). <http://www.rubberstudy.com>
5. The Association of Natural Rubber Producing Countries. www.anrpc.org
6. Tổng cục Thống kê (GSO). <http://www.gso.gov.vn>
7. Tổng cục Hải quan. <http://www.customs.gov.vn>
8. Agroinfo, (2012). Báo cáo Thường niên Ngành hàng Cao su Việt Nam 2011 và Triển vọng 2012
9. Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú. www.doruco.com.vn/
10. Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa. www.phuruco.vn/
11. Công ty Cổ phần Cao Su Tây Ninh. www.taniruco.com.vn/
12. Công ty Cổ phần Cao Su Hòa Bình. www.horuco.com.vn/
13. Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. www.caosuthongnhat.com/

KHUYẾN CÁO

Báo cáo Phân tích Ngành nhằm mục đích đánh giá và đưa ra những khuyến nghị mang tính tham khảo, nhằm hỗ trợ khách hàng.

Các thông tin mà Báo cáo sử dụng được thu thập và xem xét với mức độ cẩn trọng tối đa có thể và dựa trên những nguồn mà ABS cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ABS không chịu trách nhiệm về độ chính xác và đầy đủ của các thông tin trong Báo cáo này. Các ý kiến, nhận định, khuyến nghị chỉ thể hiện quan điểm chủ quan của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của ABS và có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Báo cáo này chủ yếu cung cấp những thông tin, nhận định, khuyến nghị mang tính tổng hợp. Nhà đầu tư cần tự ra quyết định dựa trên tình hình tài chính, các mục tiêu đầu tư cụ thể và các điều kiện riêng của cá nhân.

ABS không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào liên quan đến việc khai thác và sử dụng các thông tin từ Báo cáo.

Hội sở

101 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (04) 35624626; Fax: (04) 36624864

Chi nhánh Đà Nẵng

09 Yên Bái, Q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng
Tel: (0511) 3653992; Fax: (0511) 3653991

Chi nhánh Bắc Ninh

10 Nguyễn Đăng Đạo, Tiên An, tp. Bắc Ninh
Tel: (0241) 3893088; Fax: (0241) 3893087

Chi nhánh Bắc Giang

1A Hùng Vương, TP Bắc Giang
Tel: (0240) 3526222/3526989 Fax: (0240) 3526636

Chi nhánh Huế

10/1 Lê Hồng Phong Thành phố Huế
Tel: (054) 3831133 Fax: (054) 3831656

PGD Trần Đăng Ninh

109, Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (04) 37930490 Fax: (04) 37930490

PGD Đặng Văn Ngữ

113 Đặng Văn Ngữ. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (04) 63283852 Fax: (04) 73005668

Chi nhánh tp. Hồ Chí Minh

118 Nguyễn Cư Trinh, Q1, tp. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 38389655; Fax: (08) 38389656

Chi nhánh Hải Phòng

09 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, tp. Hải Phòng
Tel: (031) 3569190; Fax: (031) 3569191

Chi nhánh Thái Bình

399 Lê Quý Đôn, tp. Thái Bình
Tel: (036) 6255556; Fax: (036) 6255557

Chi nhánh Vũng Tàu

21 Lê Lợi, P4, tp. Vũng Tàu
Tel: (064) 3543166; Fax: (064) 3543168

Chi nhánh Cần Thơ

Số 74- 76 Hùng Vương, TP Cần Thơ
Tel: (0710) 768098 Fax: (0710) 732556

PGD Mỹ Đình

18TT4, Khu đô thị Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (04) 37875817; Fax: (04) 37875818

Phòng Phân Tích

Trần Quốc Tuấn - Phó phòng Phụ trách
Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04) 35624626 số máy lẻ: 512
abs-info@abs.vn
www.abs.vn